

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST  
Ngày 27/5/2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Chuyên.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Võ Minh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2020/TLST – DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1989; ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp Vinh A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tiến C, sinh năm: 1984, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp Vinh A, xã Ngọc B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Do chỗ quen biết tin tưởng cho nên vào ngày 17/6/2016 (al) vợ chồng ông có cho vợ chồng ông C - bà Th vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Hai bên có làm giấy biên nhận, mỗi bên giữ một bản. Không thỏa thuận thời hạn trả, khi nào vợ chồng ông yêu cầu trả gốc thì chấm dứt thời hạn vay. Kể từ ngày vay cho đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ông C không trả gốc và lãi cho vợ chồng ông. Ngoài ra, vợ chồng ông C còn thuê ông xới đất ruộng còn nợ

ông số tiền 3.800.000 đồng, nhưng ở phiên hòa giải tại Tòa án vợ chồng ông C chỉ thừa nhận số tiền xới đất 3.600.000 đồng nên vợ chồng ông cũng đồng ý với số tiền này. Tổng cộng vợ chồng ông C còn thiếu nợ vợ chồng ông – bà số tiền vay và tiền xới đất 63.600.000 đồng. Ông Ph - bà K yêu cầu vợ chồng ông C – bà Th trả số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Đối với nguyên đơn thì chấp hành và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình; Còn bị đơn thì không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vẫn còn vi phạm nên cần khắc phục.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Các đương sự thừa nhận với nhau về việc cho vay tài sản là có thật. Quá trình hòa giải tại ấp và phiên hòa giải tại Tòa án thì bà Th thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của vợ chồng ông Phc - bà K là 60.000.000 đồng, tiền xới đất 3.600.000 đồng. Tổng cộng 63.600.000 đồng phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông Ph và bà K nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ph – bà K. Buộc ông C, bà Th trả cho ông Ph – bà K số tiền nêu trên; Về lãi suất ông Ph – bà K không yêu cầu nên miễn xét; Về án phí ông C – bà Th phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Ông Trần Tiến C, bà Nguyễn Thị Th là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của ông C – bà Th không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Hợp đồng vay tài sản được thực hiện giữa bà Nguyễn Thị K - ông Nguyễn Văn Ph với vợ chồng ông Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th là hợp đồng vay không kỳ hạn nhưng có lãi. Đã nhiều lần ông Ph – bà K nhắc nhở trả gốc và lãi nhưng vợ chồng ông C - bà Th chỉ hứa mà không trả. Qua buổi làm việc tại trụ sở ấp ngày 13/7/2020 và phiên hòa giải tại Tòa án ông Trần Tiến C đều vắng mặt, chỉ có bà Nguyễn Thị Th (vợ ông C) có mặt nhưng bà Th đều xác định vợ chồng bà có hỏi vay của vợ chồng ông Ph

– bà K số tiền 60.000.000 đồng và tiền thuê xói đất 3.600.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông C – bà Th đều phải có nghĩa vụ đối với ông Ph – bà K theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Th cho rằng vợ chồng bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả trước số tiền 3.600.000 đồng, còn số tiền 60.000.000 đồng xin trả mỗi vụ lúa 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ; nhưng ông Ph – bà K không đồng ý cách trả trên nên xảy ra tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên thừa nhận với nhau về số tiền vay và tiền xói đất nhưng không thỏa thuận được với nhau về cách thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi bản án có hiệu lực thi hành. Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Xử buộc ông Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Nguyễn Văn Ph – bà Nguyễn Thị K số tiền vay 60.000.000 đồng, tiền xói đất 3.600.000 đồng.

{2.2} Về lãi suất: Việc tính lãi do hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau và không yêu cầu tính toán lại. Tại phiên tòa hôm nay ông Ph – bà K không yêu cầu tính lãi cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của ông Ph – bà K được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí giá ngạch là: 63.600.000 đồng x 5% = 3.180.000 đồng

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph – bà Nguyễn Thị K đối với ông Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th.

2. Buộc Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Nguyễn Văn Ph – bà Nguyễn Thị K số tiền vay 60.000.000 đồng, tiền xói đất 3.600.000 đồng. Tổng cộng 63.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ph – bà Nguyễn Thị K được chấp nhận, hoàn trả lại cho ông Ph – bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.595.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5502, ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Trần Tiến C – bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí có giá ngạch là 3.180.000 đồng (ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; ông Ph – bà K được tính kể từ ngày tuyên án 27/5/2021. Ông C – bà Th được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Chuyên**